TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC** Bản án số: 02/2022/KDTM-ST Ngày: *29 -4 - 2022* V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đức Hoài
2. Bà Lương Thị Thu An

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện Chơn Thành tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2021/TLST-KDTM ngày 24 tháng 6 năm 2021, về tranh chấp hợp đồng mua bán theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-KDTM ngày 25/3/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH X
Địa chỉ: Lô J17, đường N3, KCN Nam Tân Uyên, Phường H, TX. U, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số 4, KP.4, Phường Ư, TX. U, tỉnh Bình Dương

Bị đơn: Công ty TNHH MTV S.
Địa chỉ: KCN Chơn Thành 1, ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo pháp luật: Ông R, sinh năm 1955
Địa chỉ: Lô A 1, KCN Chơn Thành 1, ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 08/6/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn Công ty TNHH X – anh Nguyễn T trình bày:

Ngày 01/6/2020 giữa Công ty TNHH X (gọi tắt là công ty X) và Công ty TNHH MTV S. (gọi tắt là công ty S) có ký hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán hàng hóa số 01.2020/HĐ-XH. Theo đó, công ty X là bên bán bán cho công ty S hàng hóa lá mút xốp các loại căn cứ theo nhu cầu cụ thể của công ty S

Thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa số 01.2020/HĐ-XH và căn cứ vào đơn đặt hàng của công ty S từ tháng 06/2020 đến tháng 12/2020 công ty X đã nhiều lần xuất bán hàng hóa cho công ty S và hàng tháng công ty X đều có xuất hóa đơn giá trị gia tăng gửi đến công ty S để yêu cầu thanh toán, cụ thể: Lần 1: Hóa đơn số 0000186 ngày 31/7/2020 số tiền 452.333.536 đồng (đã thanh toán); Lần 2: Hóa đơn số 0000225 ngày 21/8/2020 số tiền 259.779.662 đồng (đã thanh toán); Lần 3: Hóa đơn số 0000401 ngày 02/11/2020 số tiền 752.804.240 đồng (chưa thanh toán); Lần 4: Hóa đơn số 0000442 ngày 30/11/2020 số tiền 1.327.835.689 đồng (chưa thanh toán); Lần 5: Hóa đơn số 0000492 ngày 28/12/2020 số tiền 596.193.941 đồng (chưa thanh toán). Tổng số tiền hàng theo 05 hóa đơn là 3.388.847.068 đồng.

Mặc dù phía công ty X đã thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng mua bán hàng hóa và đã xuất hóa đơn theo yêu cầu của công ty S thanh toán nhưng công ty S chỉ thanh toán 02 hóa đơn (đến hết tháng 8/2020) với số tiền là 712.113.198 đồng, nợ lại 2.676.833.870 đồng.

Mặc dù công ty X nhiều lần yêu cầu công ty S thực hiện thanh toán số tiền còn lại nhưng công ty S không thanh toán. Do đó công ty X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc công ty S phải thanh toán cho công ty X số tiền còn nợ là 2.676.833.870 đồng

- Buộc công ty S phải thanh toán cho công ty X số tiền lãi suất tương ứng với số tiền chậm thanh toán dựa trên lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố trên tổng số tiền nợ tính từ ngày 01/01/2021 cho đến khi Tòa án xét xử, tạm tính 2.676.833.870 đồng x1%/tháng x 9 tháng = 240.915.048 đồng

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp chứng cứ: Giấy chứng nhận kinh doanh (photo); Giấy ủy quyền ngày 08/6/2021 (bản chính); Hợp đồng nguyên tắc số 01.2020/HĐ-XH (bản sao của công ty X); Sao kê sanh sách tiền gửi khách hàng; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000225 (bản sao của công ty X); Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000186 (bản sao của công ty X); Bản đối chiếu công nợ tháng 7/2020 (bản sao của công ty X); Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000492 (bản sao của công ty X); Bản đối chiếu công nợ tháng 12/2020 (bản sao của công ty X); Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000442 (bản sao của công ty X); Bản đối chiếu công nợ tháng 11/2020 (bản sao của công ty X); Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000401 (bản sao của công ty X); Bản đối chiếu công nợ tháng 10/2020 (bản sao của công ty X); 54 phiếu giao hàng

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần cho bị đơn công ty S để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố

tụng tại phiên tòa nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn là công ty S nhưng công ty S không đến Tòa án và cũng không cử người đại diện tham gia tố tụng nên không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu HĐXX buộc Công ty S phải thanh toán cho công ty X số tiền hàng chưa thanh toán là 2.398.998.182 đồng (Hai tỷ ba trăm chín mươi tám triệu chín trăm chín mươi tám nghìn một trăm tám mươi hai đồng); Yêu cầu HĐXX buộc Công ty S phải thanh toán số tiền lãi suất tương ứng với số tiền chậm thanh toán trên tổng số tiền nợ 2.398.998.182 đồng với mức lãi suất là là 1%/tháng tính từ ngày 01/02/2021 cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án là ngày 29/04/2022 là 14 tháng 29 ngày, cụ thể: 2.398.998.182 đồng x 1 %/tháng x 14 tháng 29 ngày = 359.050.000 đồng. Tổng số tiền mà Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Signature Home Furnishings phải thanh toán cho Công ty X là: 2.398.998.182 đồng + 359.050.000 đồng = 2.758.048.182 đồng.

Nguyên đơn cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu gồm: bản sao kê tiền gửi khách hàng đến ngày 14/4/2022

Bị đơn vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015;

Về việc chấp hành theo quy đinh pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS 2015;

Về việc chấp hành theo quy định của pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 của BLTTDS năm 2015; Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại Điều 70, 72 của BLTTDS năm 2015

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ các khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 165, Điều 184, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Khoản 1 và 8 Điều 3, Điều 50, Điều 55 và 306 của Luật thương mại; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty X. Buộc Công ty S phải trả cho công ty cổ phần Xin Hui số tiền 2.398.998.182 đồng nợ gốc và 359.050.000 đồng nợ lãi

Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{1}Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung đơn khởi kiện của công ty X phải thanh toán số tiền còn nợ trong việc mua hàng theo hợp đồng nguyên tắc số 01.2020/HĐ-XH, nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh, phát sinh tranh chấp trong hoạt động kinh doanh, thương mại, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ Luật tố tụng dân sự.

{2}Về thẩm quyền: Bị đơn Công ty S có địa chỉ tại KCN Chơn Thành 1, ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước do đó căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Chơn Thành

{3}Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên đương sự không yêu cầu nên căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về thời hiệu

{4}Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty X đối với số tiền nợ gốc, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 01/6/2020 giữa Công ty TNHH X (gọi tắt là công ty X) và Công ty TNHH MTV S. (gọi tắt là công ty S) có ký hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán hàng hóa số 01.2020/HĐ-XH, công ty X là bên bán bán cho công ty S hàng hóa là mút xốp các loại căn cứ theo nhu cầu cụ thể của công ty S. Từ tháng 06/2020 đến tháng 12/2020 công ty X đã nhiều lần xuất bán hàng hóa cho công ty S và hàng tháng công ty X đều có xuất hóa đơn giá trị gia tăng gửi đến công ty S để yêu cầu thanh toán, cụ thể: Hóa đơn số 0000186 ngày 31/7/2020 số tiền 452.333.536 đồng: Hóa đơn số 0000225 ngày 21/8/2020 số tiền 259.779.662 đồng; Hóa đơn số 0000401 ngày 02/11/2020 số tiền 752.804.240 đồng; Hóa đơn số 0000442 ngày 30/11/2020 số tiền 1.327.835.689 đồng; Hóa đơn số 0000492 ngày 28/12/2020 số tiền 596.193.941 đồng. Tổng số tiền hàng theo 05 hóa đơn là 3.388.847.068 đồng.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng nhưng bị đơn chưa thực hiện đúng. Tại văn bản số 611/CT-TTKT2 ngày 22/02/2022 của cục thế tỉnh Bình Phước xác định công ty S có kê khai thuế đối với 05 hóa đơn giá trị gia tăng nêu trên nên việc công ty S có nhận hàng của công ty X theo 5 hóa đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền 3.388.847.068 đồng là sự thật. Theo thỏa thuận tại điều 4 hợp đồng các bên thỏa thuận thanh toán bằng hình thức chuyển khoản, tại bản sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng đối với số tài khoản 65310000497586 của công ty X tại ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam đến ngày 28/6/2021 công ty S thanh toán cho công ty X 02 lần tiền là 452.333.536 đồng vào 11/01/2021 và số tiền 259.779.662 đồng vào ngày 20/11/2020. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn công ty X có cho rằng trong thời gian khởi kiện thì công ty S có thanh toán thêm cho công ty X thêm 02 lần nữa là vào ngày 13/12/2021 thanh toán 127.835.689 đồng và ngày 27/12/2021 thanh toán 150.000.000 đồng , tổng cộng là 277.835.689 nên việc

công ty X khởi kiện yêu cầu công ty S phải thanh toán số tiền còn lại là 2.398.998.182 đồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn công ty S làm việc cung cấp lời khai, chứng cứ và bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình nhưng công ty S vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án chỉ có thể căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp để làm cơ sở giải quyết vụ án

Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định công ty S còn nợ công ty X **2.398.998.182** đồng trong việc mua bán hàng hóa ký kết tại hợp đồng nguyên tắc số 01.2020/HĐ-XH, và buộc công ty S phải trả cho công ty X số tiền **2.398.998.182** đồng nợ gốc là phù hợp theo quy định tại Điều 50 và Điều 55 Luật thương mại.

[5] Đối với yêu cầu lãi suất: trong các HĐ đã kí, các bên không thỏa thuận về việc tính lãi phát sinh nên căn cứ vào Điều 306 Luật thương mại 2005, Công ty X được quyền tính lãi từ thời điểm Công ty S vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với từng lần giao hàng theo thỏa thuận tại điều 4 của hợp đồng nguyên tắc số 01.2020/HĐ-XH. Tuy nhiên, Công ty TNHH X chỉ yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 01/02/2021, xét đây là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

Về mức lãi suất: Tại phiên tòa hôm nay, mức lãi suất theo lãi suất nợ trung bình quá hạn của 3 Ngân hàng tại thời điểm xét xử là 15,2%/năm (tương đương 12,6%/1 tháng): Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (15,6%/năm), Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (14,25%/năm) và Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam (15,75%/năm). Yêu cầu của nguyên đơn chỉ tính là 1 % /tháng là phù hợp với quy định của pháp luật và bản án lệ số 09/AL ngày 7/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần được chấp nhận. Theo đó, Công ty S còn nợ công ty X số tiền nợ gốc là 2.398.998.182 đồng. Số tiền lãi phát sinh tính từ 01/02/2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm vụ án là ngày 29/04/2022 là 14 tháng 29 ngày, cụ thể: 2.398.998.182 đồng x 1 %/tháng x 14 tháng 29 ngày = 359.050.000 đồng

Tổng cộng số tiền công ty S phải trả Công ty X tiền là: 2.758.048.182 đồng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hợp lý và phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 2.758.048.182 đồng là có cơ sở nên cần được chấp nhận.

[5] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với số tiền còn phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật là 87.160.964 đồng

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 165, Điều 184, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Khoản 1 và 8 Điều 3, Điều 50, Điều 55 và 306 của Luật thương mại

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH X. Buộc công ty TNHH MTV S phải trả cho công ty TNHH X số tiền 2.398.998.182 đồng nợ gốc và 359.050.000 đồng nợ lãi

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án có cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành theo theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH MTV S phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 87.160.964 đồng. Công ty TNHH X được nhận lại số tiền tạm ứng án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là 45.177.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0002910 ngày 24/6/2021

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ung Thị Ngọc Thanh